Mô tả

1. Tài khoản

* Có các trường thông tin tài khoản mật khẩu , role để chia quyền

1. Khách hàng

* Sau khi tạo tài khoản với các thông tin các nhân xong thì khách hàng có quyền sử dụng ở trang người dùng có các chức năng đặt hàng , xem giỏ hàng , thanh toán … nhưng k có quyền vào trang quản trị

1. Nhân viên

* Nhân viên sau khi tạo tài khoản với các thông tin cá nhân xong thì chỉ có quyền sử dụng trong trang admin và thao tác các chức năng quản lý

1. Giỏ hàng trang người dùng

Sau khi khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng thì sản phẩm đó sẽ được lưu vào bảng giỏ hàng (cart) trong db , bảng giỏ hàng đó sẽ theo id của khách hàng

Sau khi khách hàng chọn mua hàng

* Trang giỏ hàng sẽ có thao tác tăng giảm số lượng , xóa sản phẩm , áp voucher, Thanh toán (sau khi thanh toán thì đơn hàng sẽ được tạo ra và thông tin giỏ hàng sẽ được xóa đi )

Giỏ hàng sẽ chia thành 2 bảng

Bảng giỏ hàng sẽ lưu thong tin khách hàng (customer\_id)

Bảng chi tiết giỏ hàng có : id giỏ hàng , id sản phẩm , số lượng, giá tiền của từng mặt hàng

1. Danh mục

* Nhập tên danh mục , mô tả danh mục

1. Thương hiệu

* Tên thương hiệu
* Giới thiệu thương hiệu

1. Nhà cung cấp

* Tên , sdt, địa chỉ , email

1. Sản phẩm

Có những thông tin mã sp,danh mục,thương hiệu, tên sản phẩm, giá , mô tả , thông số , ảnh, số lượng, hashtag

Khi nhập sản phẩm mới thì sẽ nhập tất cả các thông tin trên trừ thông tin số lượng ( số lượng cần phải nhập vào từ bảng nhập kho)

1. Kho

Phiếu nhập kho : mã phiếu, nhân viên nhập, thời gian nhập, số lượng sản phẩm nhập

* Chi tiết phiếu nhập sẽ có thông tin : mã sản phẩm, số lượng nhập, giá tiền

(sau khi nhập xong các thông tin thì 3 bảng cần được cập nhật là sản phẩm (số lượng ), nhập kho , chi tiết nhập kho)

Sau khi khách hàng đặt hàng sẽ thông báo thì nhân viên sẽ tạo phiếu xuất kho

Phiếu xuất kho : mã phiếu, ngày xuất , nhân viên xuẩt, số lượng sản phẩm xuất

* Chi tiết phiếu xuất : số lượng, giá , mã sản phẩm
* Sau khi đơn hàng được xác nhận, quản lý admin chuyển đơn hàng đến quy trình xuất kho.
* Quản lý admin kiểm tra số lượng sản phẩm trong đơn hàng và kiểm tra xem có đủ hàng trong kho để xuất kho hay không.
* Nếu sản phẩm đủ hàng, quản lý admin tiến hành xuất kho bằng cách giảm số lượng sản phẩm trong kho và ghi nhận thông tin xuất kho.
* Nếu sản phẩm không đủ hàng, quản lý admin liên hệ với khách hàng để thông báo về tình trạng sản phẩm và cung cấp các tùy chọn khác (như đặt hàng trước hoặc hoãn giao hàng).

1. Đơn hàng

* Trong quản lý đơn hàng chỉ có quyền xem thông tin đơn hàng và cập nhập trạng thái đơn hàng
* Sau khi khách hàng chọn thanh toán thì đơn hàng sẽ được tạo ra , đơn hàng sẽ tạo 1 thông báo cho nhân viên biết để xuất kho
* Sau khi nhân viên thực hiện hành động xuất kho thành công, thì sẽ đặt trạng thái : đơn hàng đang giao .
* Sau khi cập nhật trạng thái xong thì đơn hàng sẽ thông báo ra màn hình người dùng
* Bảng đơn hàng sẽ có thông tin của khách hàng ( customer\_id), phương thức thanh toán, trạng thái đơn hàng, thông tin phiếu xuất (mã phiếu xuất ), ngày đặt hàng, ngày giao hàng , phí vận chuyển, tên người nhận hàng , địa chỉ nhận hàng
* Bảng chi tiết đơn hàng : thông tin sản phẩm (product\_id), giá bán của mỗi sản phẩm, số lượng sản phẩm trong đơn hàng , chiết khấu cho sản phẩm(discount).

1. Bài viết

* Có 2 bảng
* Danh mục bài viết : thể loại bài viết
* Bài viết : tiêu đề , hashtag, thông tin nhân viên đăng , nội dung

1. Video

* Có 2 bảng
* Danh mục video : thể loại video
* Video : tiêu đề , link, hashtag, thông tin nhân viên đăng , mô tả

1. Quản lý liên hệ

Tạo bảng ‘contacts’ để giúp khách hàng có thể biết thông tin của cửa hàng, có thể gửi tin nhắn cho cửa hàng để được hỗ trợ

1. Quản trị web
2. Danh sách banner
3. Danh sách thương hiệu
4. Danh sách tin tức
5. Danh sách quảng cáo
6. Footer
7. Danh sách ảnh nền

DB

1. Tài khoản (Users )

* id
* name
* email
* avatar
* ….

1. Khách hàng (customers) .

* user\_id
* name
* date\_of\_birth
* sex
* number\_phone
* email
* adress

1. Nhân viên (employees)(staff).

* user\_id
* name
* date\_of\_birth
* sex
* number\_phone
* email
* adress
* possion
* department

1. Giỏ hàng(carts).

* customer\_id
* total\_money (tổng tiền)
* discounted\_price (tiền được giảm)
* real\_money ( tiền thực tế phải trả)

1. Chi tiết giỏ hàng(cart\_details).

* cart\_id
* product\_id
* quantity
* discout
* price\_by\_quantity

1. Danh mục (category).

* name
* description

1. Thương hiệu (brands).

* name
* description

1. Nhà cung cấp (info\_supplier).

* name
* email
* adress
* number\_phone

1. Sản phẩm (product).

* code
* category\_id
* brand\_id
* name
* price
* description
* tech\_specs (thông số kĩ thuật)
* hashtag
* quantity
* status

1. Nhập kho (import\_orders).

* staff\_id
* total\_quantity

1. Chi tiết nhập kho(import\_orders\_detail).

* import\_order\_id
* product\_id
* quantity
* price

1. Xuất kho ( export\_orders).

* staff\_id
* total\_quantity

1. Chi tiết xuất kho (export\_order\_details).

* export\_order\_id
* product\_id
* quantity
* price

1. Đơn hàng (orders).

* customer\_id
* payment\_method (phương thích thanh toán )
* total\_money (tổng tiền)
* delivery\_date (ngày giao hàng)
* shipping\_fee (Phí vận chuyển)
* receiver\_name(tên người nhận)
* ward\_id ( mã phường)
* districts\_id (mã huyện)
* provinces\_id (mã tỉnh)
* status ( trạng thái đơn hàng)

1. Chi tiết đơn hàng (order\_details).

* order\_id
* product\_id
* price
* quantity
* discout

1. Bài viết (posts).

* post\_type\_id
* title
* hashtag
* staff\_id
* content
* image

1. Danh mục bài viết(type\_post).

* name

1. Danh mục video (type\_video).

* name

1. Video (video).

* video\_category\_id
* title
* link
* link\_id
* hashtags
* staff\_id
* description
* status

1. Thông tin cửa hàng (store\_information).

* map
* number\_phone
* email
* open\_time
* address

1. Banners.

* image
* ordinal
* status

1. Quảng cáo (advertisements).

* image
* ordinal
* status

1. Footer

* Tùy giao diện

1. Thương hiệu tiêu biểu (typical\_brand)

* image

1. image

* product\_id
* image

1. voucher  
   -vocher